TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **803**/2019/QĐST-DS	*Thành phố H, ngày 12 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm đã thụ lý số 116/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Số 1051/28/7 đường HG, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện ủy quyền: Ông Lê Bảo S.

Địa chỉ: Số 1051/28/7 đường HG, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

- *Bị đơn*:

1. Bà Trịnh Thị C, sinh năm 1952.

2. Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1956.

3. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Số 154/3 đường THĐ, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Số 33 đường số 70, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

2. Ông Trịnh Văn N, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 139/17/11A đường DVD, phường TQ, quận TP, Thành phố H.

3. Bà Ngô Mỹ P, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số 74/2 đường NHS, phường VTV, Thành phố RG, tỉnh KG.

4. Bà Trịnh Thị Mỹ L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 74/2 đường NHS, phường VTV, Thành phố RG, tỉnh KG.

Người đại diện ủy quyền của bà Ngô Mỹ P, bà Trịnh Thị Mỹ L:

Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 74/2 đường NHS, phường VTV, Thành phố RG, tỉnh KG.

5. Bà Trịnh Thị Diễm T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 74/2 đường NHS, phường VTV, Thành phố RG, tỉnh KG.

6. Ông Trịnh Tuấn T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số 74/2 đường NHS, phường VTV, Thành phố RG, tỉnh KG.

7. Trẻ Trịnh Tuấn K, sinh năm 2003.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 74/2 đường NHS, phường VTV, Thành phố RG, tỉnh KG.

8. Bà Lê Thị Ngọc Thảo, sinh năm 1978.

9. Ông Khưu Thiên T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Số 154/3B đường THĐ, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn T. (

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Trịnh Văn U và bà Nguyễn Thị B gồm: Bà Trịnh Thị M, bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, bà Trịnh Thị H, ông Trịnh Văn N, ông Trịnh Văn M và bà Trịnh Thị M.

- Những người thừa kế phần di sản của ông Trịnh Văn U theo pháp luật gồm: Bà Nguyễn Thị B, bà Trịnh Thị M, bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, bà Trịnh Thị H, ông Trịnh Văn N, ông Trịnh Văn M [Chết năm 2012, có vợ là bà Ngô Mỹ P và các con gồm bà Trịnh Thị Mỹ L, bà Trịnh Thị Diễm T, ông Trịnh Minh T (Chết năm 2010 có vợ là bà Nguyễn Thị Hồng V cùng 02 con chung Trịnh Tuấn T, Trịnh Tuấn K)] và bà Trịnh Thị M.

- Những người thừa kế phần di sản của bà Nguyễn Thị B theo bản di chúc của bà Nguyễn Thị B lập ngày 08/5/2003 đã được Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y chứng thực ngày 08/5/2003 là bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, bà Trịnh Thị H, bà Lê Thị Ngọc T. Không có người thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị B không phụ thuộc vào nội dung bản di chúc của bà Nguyễn Thị B lập ngày 08/5/2003 đã được Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y chứng thực ngày 08/5/2003.

- Di sản do ông Trịnh Văn U và bà Nguyễn Thị B chết để lại là căn nhà và đất số 154/3 đường THĐ, Phường X, Quận Y, Thành phố H, là nhà ở cấp 4, một tầng, diện tích sàn 66,9m^2, diện tích đất ở 165,2m^2, thuộc thửa đất số 113 tờ bản đồ số 5 (BĐĐC-2001) PX/QY. Nhà và đất đã được Ủy ban nhân dân Quận Y cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3110/2008/GCN ngày 29/8/2008 cho bà Nguyễn Thị B, bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, bà Trịnh Thị H, trong đó phần di sản của bà Nguyễn Thị B là 9/16, phần di sản của ông Trịnh Văn U là 7/16.

- Giá trị phần di sản của ông Trịnh Văn U là 2.100.000.000đ (Hai tỷ một trăm triệu đồng) chia cho bà Trịnh Thị M 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), bà Trịnh Thị C 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), bà Trịnh Thị P 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), bà Trịnh Thị H 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), ông Trịnh Văn N 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), ông Trịnh Văn M [Chết năm 2012, có vợ là bà Ngô Mỹ P và các con gồm bà Trịnh Thị Mỹ L, bà Trịnh Thị Diễm T, ông Trịnh Minh T (Chết năm 2010 có vợ là bà Nguyễn Thị Hồng V cùng 02 con chung Trịnh Tuấn T, Trịnh Tuấn K)] 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và bà Trịnh Thị M 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

- Giao cho các bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, bà Trịnh Thị H toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt phần di sản của ông Trịnh Văn U là 7/16 căn nhà và đất số 154/3 đường THĐ, Phường X, Quận Y, Thành phố H, là nhà ở cấp 4, một tầng, diện tích sàn 66,9m^2, diện tích đất ở 165,2m^2, thuộc thửa đất số 113 tờ bản đồ số 5 (BĐĐC-2001) PX/QY. Nhà và đất đã được Ủy ban nhân dân Quận Y cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3110/2008/GCN ngày 29/8/2008 cho bà Nguyễn Thị B, bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, bà Trịnh Thị H.

- Các bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, bà Trịnh Thị H được hưởng phần di sản của bà Nguyễn Thị B theo bản di chúc của bà Nguyễn Thị B lập ngày 08/5/2003 đã được Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y chứng thực ngày 08/5/2003 là 9/16 căn nhà và đất số 154/3 đường THĐ, Phường X, Quận Y, Thành phố H, là nhà ở cấp 4, một tầng, diện tích sàn 66,9m^2, diện tích đất ở 165,2m^2, thuộc thửa đất số 113 tờ bản đồ số 5 (BĐĐC-2001) PX/QY. Nhà và đất đã được Ủy ban nhân dân Quận Y cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3110/2008/GCN ngày 29/8/2008 cho bà Nguyễn Thị B, bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, bà Trịnh Thị H. (Các bên đương sự không tranh chấp).

- Các bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, bà Trịnh Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho các ông, bà Trịnh Thị M 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), ông Trịnh Văn N 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), ông Trịnh Văn M [Chết năm 2012, có vợ là bà Ngô Mỹ P và các con gồm bà Trịnh Thị Mỹ L, bà Trịnh Thị Diễm T, ông Trịnh Minh T (Chết năm 2010 có vợ là bà Nguyễn Thị Hồng V cùng 02 con chung Trịnh Tuấn T, Trịnh Tuấn K)] 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và bà Trịnh Thị M 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Các bên đương sự đã tự nguyện thi hành án giao nhận tiền xong.

Các bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, bà Trịnh Thị H được toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt toàn bộ căn nhà và đất số 154/3 đường THĐ, Phường X, Quận Y, Thành phố H, là nhà ở cấp 4, một tầng, diện tích sàn 66,9m^2, diện tích đất ở 165,2m^2, thuộc thửa đất số 113 tờ bản đồ số 5 (BĐĐC-2001) PX/QY và được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, chỉnh lý biến động sang tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3110/2008/GCN ngày 29/8/2008 do Ủy ban nhân dân Quận Y cấp cho bà Nguyễn Thị B, bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, bà Trịnh Thị H.

- Công nhận hợp đồng tặng cho một phần căn nhà số 154/3 đường THĐ, Phường X, Quận Y, Thành phố H giữa bà Nguyễn Thị B, bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, bà Trịnh Thị H đối với bà Lê Thị Ngọc T, hợp đồng tặng cho đã được Công

chứng số 003560 quyền số 01 ngày 21/01/2008. Hiện nay nhà và đất có số 154/3B đường THĐ, Phường X, Quận Y, Thành phố H, diện tích xây dựng 32,0m^2, diện tích đất 45,4m^2, thuộc thửa đất số 405 tờ bản đồ số 5 (BĐĐC-2001) PX/QY, bà Lê Thị Ngọc T và ông Khưu Thiên T đã được Ủy ban nhân dân Quận Y cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3111/2008/GCN ngày 29/8/2008.

- Án phí DS-ST:

+ Bà Trịnh Thị M, bà Trịnh Thị M, bà Trịnh Thị C, bà Trịnh Thị P, ông Trịnh Văn N và bà Ngô Mỹ P được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bà Trịnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Bà Trịnh Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền bà Trịnh Thị Mỹ L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013174 ngày 03/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Trịnh Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Trịnh Thị Diễm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền bà Trịnh Thị Diễm T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013172 ngày 03/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Trịnh Thị Diễm T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Trịnh Tuấn T, trẻ Trịnh Tuấn K có đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị Hồng V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền ông Trịnh Tuấn T, trẻ Trịnh Tuấn K có đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị Hồng V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013173 ngày 03/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Trịnh Tuấn T, trẻ Trịnh Tuấn K có đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị Hồng V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Trịnh Thị M số tiền 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí mà bà Trịnh Thị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0027625 ngày 08/5/2017, số 0028297 ngày 31/10/2017, số 0028298 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức